

Bản án số: 991/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí.

Bà Lê Thị Hoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 594/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1445/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2677/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị M, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp A, Xã B, tỉnh C. (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Đỗ Minh T, sinh năm 1991; địa chỉ nơi thường trú: Xã D, Thành phố E; địa chỉ tạm trú: Số 114/77 đường F, Phường G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hà Thị M trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà và ông Đỗ Minh T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 13/01/2014 của Ủy ban nhân dân xã D, thành phố E cấp ngày 12 tháng 3 năm 2014.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng liên tục phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2025 đến nay.

Bà xác định hiện nay không còn tình cảm với ông T nữa. Nay nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống riêng của mỗi người.

Về con chung: Bà M xác nhận cả hai có 02 con chung tên là Đỗ Hà Anh T1, sinh ngày 10/12/2014 và Đỗ Hà Anh K, sinh ngày 08/8/2022. Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Đỗ Hà Anh K, sinh ngày 08/8/2022 và giao trẻ Đỗ Hà Anh T1, sinh ngày 10/12/2014 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng và bà M không cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, tại bản trình bày nguyện vọng ngày 11/8/2025, con chung Đỗ Hà Anh T1 có nguyện vọng muốn ở với mẹ nên bà M yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Bà M đồng ý về việc ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung một con mỗi tháng 5.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi như ông T đã tự khai ngày 27/6/2025.

Về tài sản chung: Bà M xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà M xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Đỗ Minh T trình bày tại bản tự khai ngày 27/6/2025 như sau:

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn, lý do ông rất yêu gia đình vợ con.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Đỗ Hà Anh T1, sinh ngày 10/12/2014 và Đỗ Hà Anh K, sinh ngày 08/8/2022. Trong trường hợp ly hôn ông đồng ý giao con chung Đỗ Hà Anh K, sinh ngày 08/8/2022 cho bà M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Anh K mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Còn đối với con chung tên Đỗ Hà Anh T1, sinh ngày 10/12/2014, sẽ theo nguyện vọng của con, nếu con muốn ở với mẹ, ông đồng ý giao cho bà M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Anh T1 mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Nếu con muốn ở với ba thì ông không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là bà Hà Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Đỗ Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông Tuấn đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay,

Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng; bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Bà Hà Thị M được ly hôn với ông Đỗ Minh T; về con chung: Giao 02 con chung tên Đỗ Hà Anh T1, sinh ngày 10/12/2014 và Đỗ Hà Anh K, sinh ngày 08/8/2022 cho bà Hà Thị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ông Đỗ Minh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung một con mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi; về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét; về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét. Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 13/01/2014 của Ủy ban nhân dân xã D, thành phố E cấp ngày 12 tháng 3 năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Hà Thị M và ông Đỗ Minh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh.

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Hà Thị M thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, bị đơn là ông Đỗ Minh T thực tế cư trú tại phường G, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ bị đơn ông Đỗ Minh T đến Toà để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; tham gia giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa xét xử vụ án (ngày 05/9/2025 và ngày 30/9/2025) nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Hà Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hà Thị M và ông Đỗ Minh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 3 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã D, thành phố E nên quan hệ hôn nhân giữa bà Hà Thị M và ông Đỗ Minh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do đó bà M yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, do mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nên hiện nay bà M và ông T đã ly thân từ tháng 3/2025 đến nay. Bà M xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 27/6/2025, ông T không đồng ý ly hôn với lý do còn yêu gia đình vợ con, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ đối với ông Đỗ Minh T đến Tòa án để tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do và cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Hà Thị M là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ Giấy khai sinh và lời khai của bà Hà Thị M xác định được: Cả hai có 02 con chung tên là Đỗ Hà Anh T1, sinh ngày 10/12/2014 và Đỗ Hà Anh K, sinh ngày 08/8/2022. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Mặt khác, 02 trẻ đều đang sinh sống cùng với mẹ, đều do mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của trẻ Đỗ Hà Anh T1 là muốn được ở với mẹ. Nhằm tạo điều kiện cho trẻ được ổn định, không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như trong cuộc sống và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao 02 trẻ tên là Đỗ Hà Anh T1, sinh ngày 10/12/2014 và Đỗ Hà Anh K, sinh ngày 08/8/2022 cho bà Hà Thị M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Đỗ Minh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung một con mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Cả hai khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Cả hai khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Hà Thị M phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bà Hà Thị M đã nộp đủ án phí.

Ông Đỗ Minh T phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị M:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị M được ly hôn với ông Đỗ Minh T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 13/01/2014 của Ủy ban nhân dân xã D, thành phố E cấp ngày 12 tháng 3 năm 2014 hết hiệu lực).

- Về con chung: Bà Hà Thị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Đỗ Hà Anh T1, sinh ngày 10/12/2014 và Đỗ Hà Anh K, sinh ngày 08/8/2022 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Ông Đỗ Minh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung, một con mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành

án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Cả hai khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Cả hai khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà Hà Thị M phải chịu, được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0062020 ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Đỗ Minh T phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Bà Hà Thị M và ông Đỗ Minh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 7-Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuyết Mai